



ĐIỀU TRA DI CƯ NỘI ĐỊA QUỐC GIA 2015

@ UN Viet Nam/Aidan Dockery

Tờ tin số 3: Quá trình di cư và các yếu tố quyết định tới di cư

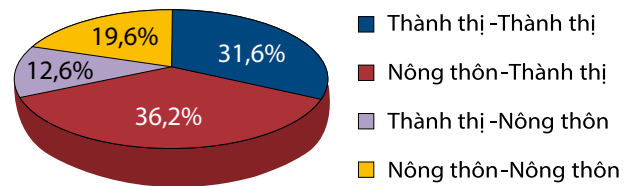
Bản tóm tắt này cung cấp thông tin về quá trình di cư và các yếu tố quyết định tới di cư ở Việt Nam dựa trên kết quả phân tích số liệu từ cuộc Điều tra Di cư Nội địa Quốc gia năm 2015. Bản tóm tắt cũng bao gồm một số khuyến nghị nhằm xây dựng những chính sách phù hợp với tình hình di cư ở Việt Nam.

Xét dưới góc độ vĩ mô, di cư thường xảy ra do sự khác biệt về cơ hội giữa nơi đi và nơi đến. Ở tầm vi mô, quyết định di cư của một người không chỉ phụ thuộc vào bản thân cá nhân người di cư mà còn phụ thuộc vào các yếu tố xã hội và mạng lưới xã hội kết nối giữa nơi đi và nơi đến. Hiểu được những yếu tố và mạng lưới liên kết này sẽ giúp các nhà hoạch định chính sách xây dựng được các chính sách di cư hiệu quả.

MỘT SỐ KẾT QUẢ CHÍNH

Kết quả khảo sát cho thấy 13,6% dân số (khoảng 12,4 triệu người trong tổng số 91 triệu dân) là người di cư trong vòng 5 năm qua (2010-2015). Tỷ lệ người di cư trong nhóm tuổi 15-59 là 17,3%, trong đó 19,7% ở khu vực thành thị và 13,4% ở khu vực nông thôn.

Hình 1: Cơ cấu luồng di cư của lần di chuyển gần nhất



Xét theo 4 luồng di cư (thành thị - thành thị, nông thôn - thành thị, thành thị - nông thôn và nông thôn - nông thôn), luồng di cư từ nông thôn đến thành thị chiếm tỷ trọng cao nhất (36,2%) và cao gấp 3 lần so với di cư từ thành thị đến nông thôn (12,6%) (Hình 1).

1. Các yếu tố việc làm/kinh tế là lý do cơ bản nhất dẫn đến di cư

Hình 2: Lý do chính của di cư

Lý do việc làm/kinh tế	34,7%
Lý do liên quan đến gia đình	25,5%
Lý do học tập	23,4%

Tương tự các nghiên cứu trước đây về di cư, kết quả Điều tra Di cư Nội địa Quốc gia năm 2015 cho thấy các lý do về việc làm/kinh tế vẫn là lý do hàng đầu dẫn đến quyết định di cư.

Kết quả này cũng đúng ở cả nam và nữ cũng như ở tất cả các vùng (ngoại trừ vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung và vùng Tây Nguyên là nơi có tỷ lệ cao người di cư vì lý do gia đình). Tỷ lệ nam giới di cư vì lý do việc làm/kinh tế (38,4%) nhiều hơn so với tỷ lệ phụ nữ di cư vì lý do này (31,8%), tới 7 điểm phần trăm. Ngược lại, 29,5% phụ nữ cho biết lý do quan trọng nhất khiến họ di chuyển là liên quan tới gia đình, cao hơn so với nam giới (20,5%).

So với Điều tra Di cư Nội địa Quốc gia năm 2004, có sự gia tăng tỷ lệ di cư vì lý do học tập (từ 4,5% năm 2004 lên tới 23,4% năm 2015) cho thấy sự phát triển của Việt Nam khi giáo dục đã trở nên quan trọng hơn để tiếp cận được những công việc trả lương cao hơn.

2. Quyết định di chuyển của người di cư phần nhiều do “lực hút” ở nơi đến hơn là “lực đẩy” ở nơi đi

Kết quả điều tra cho thấy các lý do liên quan đến nơi ở mới được coi như là “các nhân tố thúc đẩy” (như “tìm được việc làm ở nơi mới”, “đi học”, “gần người thân”,...) được đề cập khá nhiều trong khi các lý do liên quan đến nơi ở cũ như “không tìm được việc làm ở nơi cũ”, “không có người thân ở nơi cũ” (gọi là những nhân tố ảnh hưởng) gần như rất ít được đề cập đến.

“Sau khi ra trường em sẽ không về quê mà cũng có thể rời Đồng Hới, đi làm ở đâu cũng được. Có thể đi Sài Gòn làm, ở đó có nhiều công việc, có thể em đi làm thuê hoặc đi làm ở nhà máy.”

(Nam di cư, thành thị, tỉnh Quảng Bình)

Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ và Trung du và miền núi phía Bắc là ba vùng có tỷ lệ người di cư đến vì việc làm cao nhất, tương ứng là 45,6%, 42,4% và 37,7%. Người di cư đến Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh vì lý do tìm được việc làm cũng chiếm tỷ lệ cao nhất trong số các lý do người di cư tới hai thành phố này, lần lượt là 40,2% và 32,6%.

Kết quả phân tích các phỏng vấn sâu cho thấy lý do di cư do nhiều yếu tố kinh tế - xã hội đan xen mặc dù yếu tố kinh tế dường như có ảnh hưởng lớn hơn tới quyết định cuối cùng về di cư.

“Em nghĩ lên đây (khu công nghiệp) làm cũng có thu nhập hơn ở quê nhà mình, được tiền, lên đây làm với bạn thì cũng vui, đỡ được gia đình thì em đi. Các bạn đi làm có tiền hết rồi, các bạn bảo em đi thì em quyết định em đi kiếm tiền thôi.”

(Nữ di cư, tỉnh Hải Dương)

3. Đa phần người di cư tự quyết định việc di cư của chính họ

Gần 90% người di cư tự quyết định việc di cư của chính họ. Quá trình ra quyết định di cư luôn có sự tham gia của những người thân trong gia đình, hoặc bạn bè, thầy cô giáo tuy nhiên người di cư vẫn là người đưa ra quyết định cuối cùng cho sự di chuyển của mình.

Có sự khác biệt giữa nam và nữ trong việc ra quyết định di cư. Tỷ lệ này của nam và nữ tương ứng là 92,2% và 87,9%. Điều đó cho thấy so với nam giới, nữ giới dường như phụ thuộc nhiều vào người khác khi quyết định di cư.

“Chị học lớp 9 xong không học nữa, ở nhà chán bạn bè bảo đi làm cho thoải mái. Trước khi đi chị có bàn bạc với bố mẹ. Cả nhà cũng ngồi nói chuyện. Tất cả ngồi lại họp cùng một lúc luôn. Có cho đi chị mới đi.”

(Nữ di cư đến, thành thị, tỉnh Quảng Bình).

61,7% người di cư đi một mình trong lần di chuyển gần nhất. Số đông còn lại di chuyển cùng với người thân trong gia đình như vợ/chồng, con, bố/mẹ (31,4%), gần 7% người di cư đi chuyển cùng họ hàng, bạn bè, đồng hương hoặc người khác.

Trong khi nam giới thường di cư một mình hoặc đi cùng với bạn bè, người quen thì phụ nữ có

xu hướng di cư cùng với người thân trong gia đình. So với điều tra năm 2004, tỷ lệ người di cư đi một mình tăng trên 20 điểm phần trăm, cho thấy tính độc lập trong việc ra quyết định và tự di chuyển của người di cư đã thay đổi so với trước đây.

4. Đa số người di cư đã xác định trước được các khó khăn trước khi di chuyển

3 trong số 4 người di cư gặp khó khăn tại nơi cư trú cho biết đã lường trước được những khó khăn này trước khi di cư.



Trong số những người không lường trước được khó khăn, có tới 71,3% cho biết vẫn quyết định di chuyển nếu biết trước các khó khăn đó. Tình trạng này tương tự ở nam và nữ, ở khu vực thành thị và khu vực nông thôn. Điều đó cho thấy khó khăn ở nơi đến không phải là rào cản hạn chế di cư. Sức hút từ điểm đến vẫn là động lực chính khiến người di cư quyết định ra đi và sẵn sàng đối mặt với các khó khăn ở nơi đến.

5. Mạng lưới xã hội đóng vai trò quan trọng đối với người di cư, hỗ trợ họ di cư dễ dàng hơn và giảm những rủi ro phát sinh trong quá trình di cư



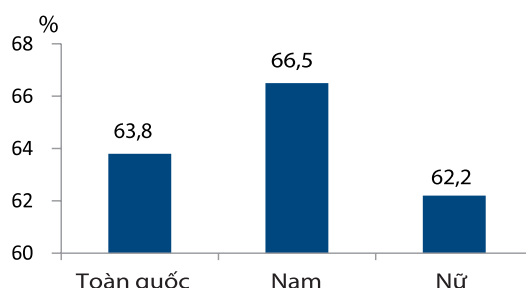
46,7%
Người di cư biết đến nơi ở hiện tại qua "người thân/bạn bè"

Hầu hết những người di cư biết về nơi cư trú hiện tại của họ thông qua các nguồn thông tin không chính thức: Khoảng 46,7% người di cư biết về nơi cư trú hiện tại qua "người thân, bạn bè". Có 22% người di cư cho biết họ "đã từng sống ở đây". Tỷ lệ người biết nơi ở hiện tại qua phương tiện thông tin đại chúng chỉ chiếm khoảng 13%. Chỉ có 2,8% biết qua đơn vị sử dụng lao động và gần như không có ai được biết về nơi di cư qua các trung tâm giới thiệu việc làm. Điều này cho thấy, dường như các trung tâm giới thiệu việc làm vẫn chưa phát huy được hiệu quả trong việc cung cấp thông tin về việc làm cho người di cư, đặc biệt là các trường hợp di cư vì lý do công việc và kinh tế.

Mạng lưới xã hội đóng vai trò quan trọng đối với người di cư. Khoảng 64% người di cư cho

biết họ có người ruột thịt, họ hàng hoặc quen biết ở nơi họ di chuyển đến. Tỷ lệ này không khác biệt nhiều giữa nam và nữ (tương ứng là 66,5% và 62,2%) (Hình 3). Điều này cho thấy người di cư trong quá trình di cư đã tạo nên các mối quan hệ cá nhân và kết nối với nhau thành một mạng lưới xã hội. Mạng lưới này giúp việc di cư trở nên dễ dàng hơn và giảm thiểu được rủi ro có thể xảy ra trong quá trình di cư. Không có sự khác biệt giữa các vùng về sự kết nối giữa người di cư và người quen ở điểm đến, ngoại trừ hai thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Ở hai thành phố này, gần một nửa người di cư không biết ai trước khi chuyển đến.

Hình 3: Tỷ lệ người di cư có họ hàng, người thân hoặc quen biết tại nơi cư trú hiện tại

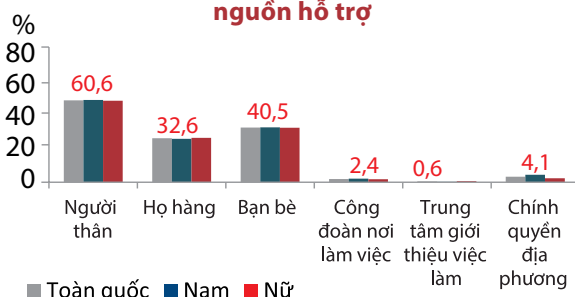


Lợi thế của mạng lưới xã hội của người di cư còn được thể hiện thông qua việc ai là người họ có thể tìm đến khi gặp khó khăn.

Có khoảng một phần ba người di cư cho biết họ gặp khó khăn sau khi di chuyển, đặc biệt ở Tây Nguyên, tỷ lệ người di cư gặp khó khăn lên tới 60,6%. Khó khăn về nhà ở được đề cập nhiều nhất (chiếm tới 42,6%).

Tỷ lệ người di cư gặp khó khăn cho biết họ đã tìm sự giúp đỡ của "người thân", "họ hàng" hoặc "bạn bè", tương ứng là 60,6%, 32,6% và 40,5%. Không có sự khác biệt đáng kể về tỷ lệ này giữa nam và nữ. Hình thức hỗ trợ chủ yếu mà người di cư nhận được là sự "động viên tinh thần" và hỗ trợ về "chỗ ở" với lần lượt 69,9% và 50,8% người di cư cho biết nhận được các hỗ trợ này. Hầu như rất ít người tìm trợ giúp từ cơ quan đoàn thể, chính quyền địa phương (tỷ lệ này dưới 5%), trung tâm giới thiệu việc làm (dưới 1%) (Hình 4).

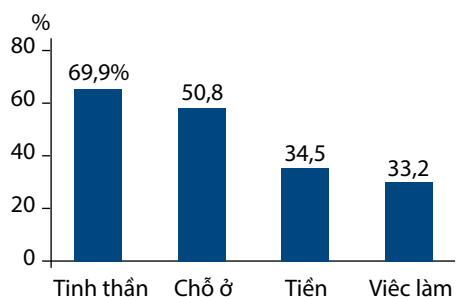
Hình 4: Tỷ lệ người di cư tìm kiếm trợ giúp theo nguồn hỗ trợ



Đa phần người di cư nhận được sự đồng viên về tinh thần (69,9%). Hơn một nửa người di cư cho biết đã nhận được sự giúp đỡ về nhà ở. Một phần ba nhận được sự giúp đỡ về tiền bạc và một phần ba nhận được giúp đỡ về việc làm.

Người di cư ở nông thôn (40,6%) nhận được sự giúp đỡ về việc làm nhiều hơn so với vùng thành thị (28,1%). Nữ nhận được sự giúp đỡ về tinh thần và chỗ ở nhiều hơn so với nam giới.

Hình 5: Tỷ lệ người di cư nhận được giúp đỡ



KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

1 Cần lồng ghép các vấn đề di cư trong các chính sách và kế hoạch phát triển ở các cấp, các ngành

Di cư là yếu tố tất yếu của quá trình phát triển, vì vậy khi xây dựng và hoạch định các chính sách quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, từng địa phương, cần tính tới dân số di cư để đảm bảo khai thác được lợi thế của di cư cho sự phát triển cũng như thích ứng với tình hình di cư của địa phương, đảm bảo quyền bình đẳng tiếp cận đến dịch vụ xã hội cơ bản (như nhà ở, giáo dục, y tế, v.v.) của người di cư.

2 Đẩy mạnh các chương trình phát triển bền vững, đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo công ăn việc làm, cải thiện môi trường sống và điều kiện sinh hoạt của người dân. Đặc biệt ở khu vực nông thôn nhằm góp phần giảm bớt khoảng cách giàu nghèo và điều kiện sống giữa thành thị và nông thôn. Điều này sẽ góp phần giảm sức

ép cho luồng di cư từ nông thôn ra thành thị, đồng thời giúp định hướng lại các dòng di cư (thay vì di cư từ nông thôn ra thành phố lớn thì di cư từ nông thôn đến các thị trấn, khu đô thị nhỏ).

3 Tiếp tục mở rộng các kênh thông tin và mạng lưới xã hội cả chính thức và không chính thức nhằm giúp đỡ người di cư

Người di cư tiếp cận thông tin và tìm kiếm sự giúp đỡ chủ yếu từ mạng lưới xã hội phi chính thức. Vai trò của khu vực chính thức trong việc cung cấp thông tin và giúp đỡ người di cư vẫn còn mờ nhạt. Do đó, cần tăng cường vai trò của các cơ quan, tổ chức sử dụng lao động di cư, các trung tâm giới thiệu việc làm để có thể hỗ trợ người di cư một cách có hiệu quả trong quá trình di cư và giúp họ vượt qua những khó khăn ban đầu ở nơi đến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (2016). "Điều tra di cư nội địa quốc gia 2015: Các kết quả chủ yếu". Nhà xuất bản Thông tấn.
2. Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (2016). "Điều tra di cư nội địa quốc gia 2015: Một số chỉ tiêu chủ yếu."

Ghi chú:

Trong cuộc điều tra này, người di cư được định nghĩa là người di chuyển từ huyện/quận này sang huyện/quận khác trong vòng 5 năm trước thời điểm điều tra và thỏa mãn một trong ba điều kiện sau:

- a) Đã cư trú ở nơi điều tra từ 1 tháng trở lên;
- b) Cư trú ở nơi điều tra dưới 1 tháng nhưng có ý định ở từ 1 tháng trở lên;
- c) Cư trú ở nơi điều tra dưới 1 tháng nhưng trong vòng 1 năm qua đã rời khỏi nơi thường trú đến ở một quận/huyện khác với thời gian tích lũy từ 1 tháng trở lên để lao động kiếm tiền.

Đối tượng điều tra của cuộc điều tra này là nhóm người di cư và không di cư trong độ tuổi từ 15-59.



Tổng cục Thống kê

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
 Điện thoại: 84-24-7304 6666 - Fax: 84-24-7307 7997
 Website: <https://www.gso.gov.vn>
 Email: dansolaodong@gso.gov.vn



Quỹ Dân số Liên hợp quốc

304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
 Điện thoại: 84-24-3850 0100
 Fax: 84-24-3726 5520
 Website: <https://www.vietnam.unfpa.org>